

-(으)ㄴ뻘더러

không những... mà còn — văn viết

Chồng thêm ý thứ hai lên ý thứ nhất, giống như -(으)ㄴ뻘만 아니라 — nhưng đây là một đuôi duy nhất, viết liền hoàn toàn không có khoảng cách.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄴ뻘더러	싸다 → 싸뻘더러
Kết thúc bằng phụ âm	-을뻘더러	좋다 → 좋을뻘더러
Kết thúc bằng ㄹ	không thêm gì	만들다 → 만들뻘더러
Quá khứ	-았/었뻘더러	갔을뻘더러
Khoảng cách	viết liền — đây là một đuôi	싸뻘더러, không phải 싸 뻘 더러
Dạng danh từ	-(으)ㄴ뻘만 아니라	싸 뻘만 아니라 — có khoảng cách

Khi nào dùng

Gốc nguyên âm dùng -ㄴ뻘더러, gốc phụ âm dùng -을뻘더러, và gốc có ㄹ không thêm gì: 만들뻘더러. Quá khứ là -았/었뻘더러.

Chính tả là điều cần viết đúng. -(으)ㄴ뻘더러 là một đuôi duy nhất và được viết liền. So sánh với -(으)ㄴ뻘만 아니라, nơi 뻘 là danh từ và cần khoảng cách. Cùng nghĩa, cách viết ngược nhau.

Hai vế phải cùng một chiều hướng, và mệnh đề sau thường mang do: 값이 싸뻘더러 품질도 좋다.

Nó văn chương hơn 뻘만 아니라, và chủ yếu xuất hiện trong văn viết và bài nói có chuẩn bị.

Ví dụ trong câu

- 1

이 제품은 값이 싸뻘더러 품질도 뛰어나다.

Sản phẩm này không những rẻ mà chất lượng còn tuyệt vời.
- 2

그는 성실할뻘더러 능력도 갖추었다.

Anh ấy không những chăm chỉ mà còn có năng lực.
- 3

이 지역은 교통이 편리할뻘더러 환경도 쾌적하다.

Khu vực này không những giao thông thuận tiện mà môi trường còn dễ chịu.
- 4

직접 만들뻘더러 재료까지 직접 기른다.

Họ không những tự làm mà còn tự trồng cả nguyên liệu.
- 5

그는 약속에 늦었을뻘더러 사과도 하지 않았다.

Anh ấy không những đến muộn mà còn không xin lỗi.
- 6

비가 올뻘더러 바람도 거세질 전망이다.

Không những dự báo có mưa mà gió cũng sẽ mạnh lên.

So sánh với

-(으)ㄴ뻘만 아니라
Cùng nghĩa ở dạng phổ biến hơn. Điểm khác dễ thấy là khoảng cách: 뻘만 아니라 chứa danh từ 뻘, còn -뻘더러 là một đuôi duy nhất.
싸 뻘만 아니라 (có khoảng cách) / 싸뻘더러 (viết liền)

-(으)ㄴ/는 데다가
Cùng chức năng, ba văn phong. -는 데다가 cho văn nói, 뻘만 아니라 cho ngữ cảnh trang trọng, -뻘더러 cho văn viết.
싼 데다가 (văn nói) / 싸 뻘만 아니라 (trang trọng) / 싸뻘더러 (văn viết)

-지만
Giống như các đuôi bổ sung khác, hai vế phải thống nhất. Mệnh đề sau trái ngược cần một đuôi đối lập.
싸뻘더러 품질도 좋다. (cả hai đều tốt) / 싸지만 품질이 나쁘다. (rẻ nhưng kém)

Lưu ý

- ✗ 값이 싸 뻘더러 품질도 좋다.

○ 값이 싸뻘더러 품질도 좋다.

-뻘더러 là một đuôi duy nhất và được viết liền. Khoảng cách chỉ dành cho 뻘만 아니라, nơi 뻘 là danh từ.
- ✗ 직접 만들을뻘더러 재료도 기른다.

○ 직접 만들뻘더러 재료도 기른다.

Gốc từ kết thúc bằng ㄹ đã có sẵn ㄹ, giống như 만들 거예요 và 만들 만하다.
- ✗ 값이 싸뻘더러 품질이 나쁘다.

○ 값은 싸지만 품질이 나쁘다.

Hai vế phải cùng một chiều hướng. Mệnh đề sau trái ngược cần -지만.